**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 4**

**I- MỤC TIÊU:
1: Kiến thức:**
- HS ôn lại các kiến thức về: Các góc ở vị trí đặc biệt, Tia phân giác, Hai đường thẳng song song, Định lí và chứng minh định lí.
- Vận dụng được các kiến thức đã học để giải các BT sgk và quyết được các vần đề thực tiễn toán học.
**2: Năng lực
*\* Năng lực chung:***- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.
***\* Năng lực riêng:***

- Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.
**3: Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, tivi

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

## A: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

## a) Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại các kiến thức của chương 4.

## b) Nội dung: HS thảo luận nhóm nhỏ để vẽ sơ đồ tư duy các kiến thức trọng tâm của chương 4.c) Sản phẩm học tập: sơ đồ tư duy các kiến thức trọng tâm của chương 4.d) Tổ chức thực hiện:

## Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm nhỏ để vẽ sơ đồ tư duy các kiến thức trọng tâm của chương 4.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các thành viên chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu của GV.
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình.

**-** HS nhận xét bài làm các nhóm.
**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, chốt lại vấn đề. (GV có thể ghi điểm cho nhóm hoàn thành tốt nhất)

**B: HÌNH THÀNH KIÊN THỨC MỚI (không)
C: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố và rèn luyện các kĩ năng:
- HS vận dụng các kiến thức về: Các góc ở vị trí đặc biệt, Tia phân giác, Hai đường thẳng song song, Định lí và chứng minh định lí để giải các BT trong sgk.
**b) Nội dung:** HS làm các BT 1,2,3,4,5,6,7 tr 86, 87 sgk.
**c) Sản phẩm học tập:** Giải đủ và đúng các bài tập được giao

|  |
| --- |
| Bài 1. Chọn câu C |
| Bài 2Quan sát Hình 1, biết d // h Hãy kể tên một số cặp góc bằng nhau | ˆO1=ˆO3; ˆO2=ˆO4; ˆM1=ˆM3; ˆM2=ˆM4; ˆE1=ˆE3; ˆE2=ˆE4; ˆN1=ˆN3; ˆN2=ˆN4; ˆF1=ˆF3; ˆF2=ˆF4; ˆM1=ˆN1; ˆM2=ˆN2; ˆE1=ˆF1; ˆE4=ˆF4; ˆM1=ˆN3; ˆM2=ˆN4; ˆM3=ˆN1; ˆM4=ˆN2; ˆE1=ˆF3; ˆE2=ˆF4; ˆE3=ˆF1; ˆE4=ˆF1 |
| Bài 3Quan sát Hình 2 Bài 3 trang 87 Toán lớp 7 Tập 1 | Vì ˆmBz và ˆmBt là hai góc kề bù nên: ˆmBz+ˆmBt=180oHay 60o+ˆmBt=180o ˆmBt=180o−60o=120oTa có: ˆmAy=ˆmBt=120oMà ˆmAy và ˆmBt là hai góc đồng vị nên xy // zt.Vậy xy // zt. |
| Bài 4Quan sát Hình 3 Bài 4 trang 87 Toán lớp 7 Tập 1 | a) Ta có ˆCBD=ˆCBA+ˆABDSuy ra ˆCBD=30o+70o=100oVì ˆCBD và ˆB1 là hai góc kề bù nên:ˆCBD+ˆB1=180o100o+ˆB1=180oSuy ra: ˆB1=180o−100o=80oVậy ˆB1=80ob) Ta có ˆCAB=ˆB1=80oMà ˆCBD và ˆB1 là hai góc đồng vị nên AC // BD.Vậy AC // BD.c) Vì AC // BD nên ˆA1=ˆABD=70o (hai góc so le trong)Vậy ˆA1=70o=70o. |
| Bài 5Quan sát Hình 4 Bài 5 trang 87 Toán lớp 7 Tập 1 | a) Vì AB ⊥ BC; CD ⊥ BC nên AB // CD (cùng vuông góc với BC).Vì EF ⊥ DE; CD ⊥ DE nên EF // CD (cùng vuông góc với DE).Vậy AB // CD và EF // CD.b) Vì AB // CD và EF // CD nên AB // EF (cùng song song với CD).Vậy AB // EF. |
| Bài 6Cho Hình 5 có góc B1 = 130 độ Số đo của góc A1 là bao nhiêu | Vì a ⊥ c và b ⊥ c nên a // b (cùng vuông góc với đường thẳng c).Vì a // b nên ˆBAC=ˆB1=130o (hai góc so le trong).Mặt khác, ˆBAC và ˆA1 là hai góc kề bù nên:ˆBAC+ˆA1=180o130o+ˆA1=180oSuy ra ˆA1=180o−130o=50oVậy ˆA1=50o |
| Bài 7Cho Hình 6, biết hai đường thẳng a và b song song với nhau và góc A1= 50 độCâu c)Cho Hình 6, biết hai đường thẳng a và b song song với nhau và góc A1= 50 độ | a) Các cặp góc so le trong là: ˆA2 và ˆB4; ˆA3 và ˆB1.Các cặp góc đồng vị là: ˆA1 và ˆB1; ˆA2 và ˆB2; ˆA3 và ˆB3; ˆA4 và ˆB4b) Ta có: ˆA1=ˆA3=50o (hai góc đối đỉnh).Vì a // b nên ˆA3=ˆB3=50o (hai góc đồng vị).Vậy ˆA3=50o,ˆB3=50o.c) Vẽ đường thẳng c vuông góc với đường thẳng a tại M.Vì a // b và a ⊥ c nên c ⊥ b.Vậy c ⊥ b. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** làm các BT 1,2,3,4,5,6,7 tr 86, 87 sgk. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi nhóm thực hiện các bài tập GV yêu cầu.

**-** GV theo dõi, giúp đỡ những nhóm gặp khó khăn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Mỗi BT GV mời 1 đại diện trình bày bảng

- Các HS khác nhận xét, tranh luận, bổ sung các bài giải trên bảng.
**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV nhận xét, chốt lại bài giải. GV nhận xét các HĐ của HS.
- GV có thể ghi điểm cho HS.

**D: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**- Vận dụng được các kiến thức đã học để giải các BT sgk và quyết được các vần đề thực tiễn toán học.
**b) Nội dung:** BT 8,9 tr 87 sgk.
**c) Sản phẩm:** HS thực hiện hoàn thành đúng kết quả các bài tập được giao:

**Bài 8**

a) Theo tiên đề Euclid, ta có:
Qua điểm I nằm ngoài đường thẳng n, ta chỉ xác định được một đường thẳng m song song với đường thẳng n.
Do đó, đường thẳng d đi qua điểm I nên đường thẳng d không thể song song với đường thẳng n.
Vậy nếu d // n thì điều này trái với tiên đề Euclid.

b) Từ kết quả câu a: Điểm d không thể song song với đường thẳng n.

Mặt khác, đường thẳng m đi qua điểm I nhưng đường thẳng n không đi qua điểm I nên hai đường thẳng d và n không trùng nhau.

Do đó, đường thẳng d cắt đường thẳng n.

**Bài 9**



Các cặp góc đối đỉnh: ˆxOz−ˆtOy; ˆxOt−ˆyOz

Các cặp góc kề bù: ˆxOz và ˆxOt; ˆxOt và ˆtOy;

  ˆtOy và ˆyOz; ˆyOz và ˆxOz

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** BT 8,9 tr 87 sgk. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi nhóm thực hiện các bài tập GV yêu cầu.

**-** GV theo dõi, giúp đỡ những nhóm gặp khó khăn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Mỗi BT GV mời 1 đại diện trình bày bảng

- Các HS khác nhận xét, tranh luận, bổ sung các bài giải trên bảng.
**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV nhận xét, chốt lại bài giải. GV nhận xét các HĐ của HS.
- GV có thể ghi điểm cho HS.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong chương 4.
- Hoàn thành các bài tập trong SBT.